

UBND XÃ HẢI HẬU
TRƯỜNG TIỂU HỌC YÊN ĐỊNH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Vũ Ngọc Thuận	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Nguyễn Thị Thu Hà	Phó hiệu trưởng	Phó CT Hội đồng	
3	Vũ Thị Huế	Giáo viên Tin học	Thư ký Hội đồng	
4	Nguyễn Thị Tươi	Kế toán	Ủy viên Hội đồng	
5	Lê Thị Bích Liên	Tổ trưởng tổ 4+5	Ủy viên Hội đồng	
6	Nguyễn Thị Thu Hà	Tổ phó tổ 2+3	Ủy viên Hội đồng	
7	Kim Thị Trí	Tổ trưởng tổ 2+3	Ủy viên Hội đồng	
8	Nguyễn Thị Ánh Lụa	Tổ trưởng tổ 1	Ủy viên Hội đồng	
9	Lại Thị Phượng	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
10	Đỗ Vũ Phong	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
11	Mai Anh Thư	NV Thư viện	Ủy viên Hội đồng	

NINH BÌNH - NĂM 2026

Mục lục

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	1
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	2
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	2
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	2
I. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học	2
1. Tiêu chí 1.1	3
2. Tiêu chí 1.2	4
3. Tiêu chí 1.3	5
4. Tiêu chí 1.4	6
5. Tiêu chí 1.5	7
6. Tiêu chí 1.6	8
7. Tiêu chí 1.7	10
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học</i>	12
II. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	12
1. Tiêu chí 2.1	12
2. Tiêu chí 2.2	13
3. Tiêu chí 2.3	13
4. Tiêu chí 2.4	14
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</i>	15
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	15

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Kết quả đạt)

Tiêu chí	Kết quả đạt		
	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học			
Tiêu chí 1.1			x
Tiêu chí 1.2			x
Tiêu chí 1.3			x
Tiêu chí 1.4			x
Tiêu chí 1.5		x	
Tiêu chí 1.6			x
Tiêu chí 1.7			x
Nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục			
Tiêu chí 2.1			x
Tiêu chí 2.2			x
Tiêu chí 2.3			x
Tiêu chí 2.4			x

Kết quả: Đạt Mức độ 3

2. Kết luận về mức độ chuyển đổi số: Đạt mức độ 3

PHẦN I

CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tỉnh: Ninh Bình

Xã: Hải Hậu

Điện thoại: 0987203323

Email: th40yendinh@gmail.com

Website: <https://thyendinh.ninhbinh.edu.vn/>

Đạt mức độ chuyển đổi số: Mức độ 3

1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Học sinh

Khối lớp	1	2	3	4	5	Toàn trường
Số lớp	4	4	4	4	4	20
Số học sinh	154	152	138	140	156	740

- Cán bộ, giáo viên, nhân viên

Tổng số	CBQL		Giáo viên		Nhân viên	
	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ
32	2	01	27	24	3	2

2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số

Cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh

- Ban chỉ đạo chuyển đổi số: 03 người.
- Giáo viên có khả năng ứng dụng CNTT tốt: 27 người.
- Giáo viên kiêm phụ trách CNTT: 01 người.

3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin

- Tổng số phòng học: 20
- Phòng học có máy chiếu/tivi kết nối Internet: 20
- Số phòng máy tính: 01
- Tổng số máy tính phục vụ dạy học: 28 bộ
- Hệ thống mạng LAN/Wifi: Có
- Phòng studio phục vụ xây dựng học liệu số: Có

PHẦN II TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trong những năm qua, nhà trường đã quan tâm triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số theo chủ trương của ngành giáo dục, từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy học và kiểm tra đánh giá. Nhà trường đã triển khai hệ thống quản lý hồ sơ điện tử, phần mềm quản lý học sinh, học bạ số, chữ ký số, dạy học trực tuyến và kho học liệu số dùng chung.

Cơ sở vật chất công nghệ thông tin của nhà trường từng bước được đầu tư gồm: phòng máy tính, mạng Internet cáp quang, hệ thống wifi phủ sóng trong khuôn viên trường, máy chiếu, tivi thông minh phục vụ giảng dạy. Đội ngũ giáo viên có tinh thần đổi mới, tích cực ứng dụng công nghệ số trong hoạt động chuyên môn.

Bên cạnh những kết quả đạt được, nhà trường vẫn còn một số khó khăn như: thiết bị CNTT chưa đồng bộ, kinh phí đầu tư còn hạn chế, kỹ năng số của một bộ phận giáo viên chưa đồng đều, việc xây dựng học liệu số còn chưa phong phú.

Căn cứ Bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục ban hành theo Công văn số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022, nhà trường tiến hành tự đánh giá nhằm xác định mức độ đáp ứng các tiêu chí, phát huy những kết quả đạt được, đồng thời đề ra giải pháp cải tiến phù hợp trong thời gian tới.

Quá trình tự đánh giá được thực hiện nghiêm túc, khách quan, có sự tham gia của Ban giám hiệu, tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên và bộ phận phụ trách công nghệ thông tin; đảm bảo đúng quy trình, có đầy đủ minh chứng kèm theo.

2. Mục đích tự đánh giá

Xác định mức độ đáp ứng của nhà trường theo Bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục.

Đánh giá thực trạng triển khai chuyển đổi số trong dạy học và quản trị nhà trường.

Phát hiện các điểm mạnh để tiếp tục phát huy và các hạn chế cần khắc phục.

Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm nâng cao hiệu quả chuyển đổi số trong giai đoạn tiếp theo.

Làm căn cứ đề nghị công nhận mức độ chuyển đổi số của nhà trường.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học

Mở đầu

Nhà trường xác định chuyển đổi số trong dạy học là nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, đổi mới phương pháp giảng dạy và tăng cường khả

năng tiếp cận tri thức của học sinh. Trong thời gian qua, nhà trường đã triển khai nhiều giải pháp ứng dụng CNTT, sử dụng nền tảng số, học liệu điện tử và các phương thức dạy học trực tuyến kết hợp trực tiếp.

Đội ngũ giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT trong giảng dạy; học sinh từng bước hình thành kỹ năng học tập trên môi trường số. Tuy nhiên, việc khai thác học liệu số và sử dụng các nền tảng dạy học hiện đại vẫn còn một số hạn chế cần tiếp tục cải tiến

1. Tiêu chí 1.1: Ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp)

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến kết hợp với dạy học trực tiếp ngay từ đầu năm học và lồng ghép trong Kế hoạch giáo dục nhà trường. Kế hoạch xác định rõ mục tiêu, nội dung, hình thức tổ chức, phân công nhiệm vụ và giải pháp thực hiện.

100% tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT trong giảng dạy. Giáo viên sử dụng các nền tảng như Google Meet, Zoom, Microsoft Teams để hỗ trợ dạy học trực tuyến.

Nhà trường đã xây dựng quy chế quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến; hướng dẫn giáo viên và học sinh sử dụng hệ thống học tập số; thực hiện kiểm tra, giám sát việc triển khai.

Minh chứng:

Có Kế hoạch tổ chức dạy học trực tiếp kết hợp trực tuyến và thực hiện công khai trên cổng thông tin điện tử của đơn vị.

<https://thyendinh.ninhbinh.edu.vn/152-ke-hoach-to-chuc-day-hoc-truc-tuyen-ket-hop-voi-day-hoc-truc-tiep.html>

b) Điểm mạnh

- Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến phù hợp thực tế.

- Đội ngũ giáo viên tích cực ứng dụng CNTT trong giảng dạy.

- Hệ thống nền tảng trực tuyến được triển khai tương đối đồng bộ.

- Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên.

c) Điểm yếu

- Một số giáo viên còn hạn chế kỹ năng khai thác học liệu số.

- Thiết bị học trực tuyến của một số học sinh chưa đáp ứng đầy đủ.

- Chất lượng đường truyền Internet đôi lúc chưa ổn định.

d) Kế hoạch cải tiến

- Tăng cường tập huấn kỹ năng dạy học trực tuyến cho giáo viên.

- Thường xuyên rà soát, bổ sung nội dung kế hoạch phù hợp thực tế.
- Xây dựng kho học liệu số dùng chung.
- Phối hợp với phụ huynh hỗ trợ học sinh khó khăn về thiết bị.
- Đầu tư nâng cấp hạ tầng Internet và thiết bị CNTT.

Kết luận tiêu chí 1.1:

Nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu về xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến kết hợp trực tiếp; tuy nhiên cần tiếp tục đầu tư hạ tầng và nâng cao kỹ năng số cho giáo viên.

2. Tiêu chí 1.2: Ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến nhằm đảm bảo việc triển khai dạy học số được thực hiện thống nhất, hiệu quả và đúng quy định. Quy chế quy định rõ trách nhiệm của Ban giám hiệu, tổ chuyên môn, giáo viên, học sinh và các bộ phận liên quan trong quá trình tổ chức dạy học trực tuyến. Nội dung quy chế bao gồm:

- Quy định về nền tảng dạy học trực tuyến được sử dụng;
- Quy trình tổ chức lớp học trực tuyến;
- Quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trực tuyến;
- Quy định về lưu trữ học liệu, hồ sơ chuyên môn;
- Quy định về đảm bảo an toàn thông tin và ứng xử trên môi trường số.

Nhà trường đã phổ biến quy chế đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh thông qua các cuộc họp chuyên môn, website, nhóm Zalo và hệ thống quản lý nội bộ.

Minh chứng:

Có Quyết định ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến.

<https://thyendinh.ninhbinh.edu.vn/154-quyet-dinh-ve-viec-ban-hanh-quy-che-day-hoc-truc-tuyen-nam-hoc-2025-2026.html>

b) Điểm mạnh

- Nhà trường chủ động xây dựng quy chế phù hợp với điều kiện thực tế.
- Giáo viên cơ bản nắm được quy trình tổ chức dạy học trực tuyến.
- Có sự phối hợp giữa nhà trường, giáo viên và phụ huynh trong quản lý học sinh học trực tuyến.

c) Điểm yếu

- Một số giáo viên còn hạn chế trong việc khai thác đầy đủ các chức năng của nền tảng số.
- Việc cập nhật, bổ sung quy chế theo các văn bản mới đôi lúc chưa kịp thời.

d) Kế hoạch cải tiến

- Tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng dạy học trực tuyến cho giáo viên.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế.
- Phối hợp với phụ huynh nhằm nâng cao hiệu quả học tập trực tuyến của học sinh.

3. Tiêu chí 1.3: Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường triển khai các phần mềm dạy học trực tuyến như Zoom, Google Meet, Microsoft Teams phục vụ giảng dạy trực tuyến.

Đồng thời, nhà trường sử dụng hệ thống OLM để:

- Giao bài tập cho học sinh.
- Hỗ trợ trao đổi giữa giáo viên và học sinh.
- Kiểm tra đánh giá thường xuyên.
- Tăng cường phối hợp với phụ huynh học sinh.

Hệ thống được triển khai tới 100% lớp học và giáo viên thường xuyên cập nhật dữ liệu học tập.

Minh chứng:

- Tên các phần mềm sử dụng: Zoom, Google Meet, Microsoft Teams
- Link phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp OLM: <https://olm.vn/>
- Cung cấp thông tin hệ thống LMS: OLM thuê dịch vụ theo năm.
- Các loại hợp đồng kinh tế, thỏa thuận về sử dụng hệ thống theo quy định của pháp luật.

<https://drive.google.com/drive/folders/1athxF8AV5OJ8D958zAN9XMW06DeOO1Pg?usp=sharing>

- Đường link thể hiện các chức năng (1), (2), (3), (4) của LMS.

+ Chức năng giao bài cho HS

https://drive.google.com/file/d/1I4U_coXdiESq-nbccwJzcZfQPR5rbEVi/view?usp=sharing

+ Chức năng giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh

<https://drive.google.com/file/d/1Rt1yQCCcg8ifXWshtoMdp4z59Y9Yvo1N/view?usp=sharing>

+ Chức năng tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên

<https://drive.google.com/file/d/16yTb7T6IjQYWTpoToRZagq7d40uc-qon/view?usp=sharing>

+ Chức năng phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh

<https://play.google.com/store/apps/details?id=vn.olm.parent2>

b) Điểm mạnh

- Phần mềm sử dụng ổn định.
- Giáo viên khai thác tốt các tính năng.
- Học sinh tham gia đầy đủ.

c) Điểm yếu

- Một số học sinh thiếu thiết bị học trực tuyến tại nhà.

d) Kế hoạch cải tiến

- Tiếp tục hỗ trợ học sinh khó khăn.
- Tăng cường ứng dụng học liệu số trên LMS.

e) Tự đánh giá

- Điểm tự đánh giá: 30/30
- Mức độ đạt: Mức độ 3

4. Tiêu chí 1.4: Số hóa học liệu

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã triển khai công tác số hóa học liệu nhằm phục vụ hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá và lưu trữ tài nguyên giáo dục. Giáo viên các tổ chuyên môn đã tích cực xây dựng và chia sẻ học liệu số dưới nhiều hình thức như:

- Giáo án điện tử;
- Bài giảng PowerPoint;
- Video bài giảng;
- Ngân hàng câu hỏi trực tuyến;
- Đề kiểm tra số hóa;
- Tài liệu tham khảo điện tử.

Các học liệu được lưu trữ trên hệ thống Google Drive, LMS/LCMS hoặc thư viện điện tử của nhà trường để giáo viên và học sinh thuận tiện khai thác, sử dụng.

Nhà trường từng bước xây dựng kho học liệu số dùng chung phục vụ công tác giảng dạy và học tập.

Minh chứng:

+ MC1.4: Danh mục học liệu số được phê duyệt.

<https://drive.google.com/file/d/10wDJkn5sjUaq7SaiGBkbKqcAx0EQKZdT/viw?usp=sharing>

- Đường link của học liệu được sử dụng trong dạy học hoặc học liệu được xây dựng trên hệ thống OLM.

<https://docs.google.com/spreadsheets/d/1y8UFPJ2T5fiEs7Skd6Hkb8c2kL0UzzFn/edit?usp=sharing&oid=116802921016136117216&rtpof=true&sd=true>

b) Điểm mạnh

- Giáo viên có tinh thần chủ động xây dựng học liệu số.
- Học liệu phong phú, hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động dạy và học.
- Việc lưu trữ và chia sẻ tài liệu thuận tiện trên môi trường số.
- Một số giáo viên đã xây dựng được bài giảng e-learning chất lượng

c) Điểm yếu

- Chất lượng học liệu số chưa đồng đều giữa các môn học.
- Một số giáo viên còn hạn chế kỹ năng thiết kế học liệu số hiện đại.

d) Kế hoạch cải tiến

- Tăng cường tập huấn kỹ năng xây dựng học liệu số cho giáo viên.
- Phát triển kho học liệu số dùng chung của nhà trường.
- Khuyến khích giáo viên tham gia các cuộc thi thiết kế bài giảng e-learning.
- Đẩy mạnh chia sẻ học liệu giữa các tổ chuyên môn.

e) Tự đánh giá

- Điểm tự đánh giá: 8/10
- Mức độ đạt: Mức độ 3

5. Tiêu chí 1.5: Tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã triển khai kiểm tra, đánh giá trên phòng máy tính đối với một số môn học phù hợp với điều kiện thực tế và năng lực hạ tầng công nghệ thông tin của đơn vị.

Phòng máy tính được kết nối Internet ổn định để sử dụng OLM cho việc kiểm tra trực tuyến.

Kết quả kiểm tra được lưu trữ trên hệ thống phần mềm, đồng thời kết nối với hệ thống quản trị nhà trường nhằm phục vụ công tác theo dõi, đánh giá chất lượng giáo dục và lưu trữ dữ liệu lâu dài.

Nhà trường đã ban hành kế hoạch, quy chế tổ chức thi, kiểm tra trên phòng máy tính; xây dựng phương án đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu trong quá trình triển khai.

Ngoài ra, nhà trường thực hiện thống kê số lượng bài kiểm tra, dữ liệu học sinh tham gia trên hệ thống phần mềm và lưu nhật ký sử dụng phòng máy theo quy định.

Minh chứng:

- Kế hoạch kiểm tra trên máy tính được công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường.

<https://thyendinh.ninhbinh.edu.vn/159-ke-hoach-to-chuc-kiem-tra-danh-gia-ket-qua-hoc-tap-hoc-sinh-tren-phong-may-tinh-nam-hoc-2025-2026.html>

- Quy chế/kế hoạch triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính được công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường.

<https://thyendinh.ninhbinh.edu.vn/160-quy-che-to-chuc-kiem-tra-truc-tuyen.html>

- Bảng thống kê dữ liệu bài kiểm tra trên hệ thống OLM.

https://drive.google.com/file/d/1kVS3SKhoRyJx2V_CFO2dKp8vXLUn4M93/view?usp=sharing

b) Điểm mạnh

- Giáo viên chủ động ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá.
- Việc chấm điểm, tổng hợp kết quả được thực hiện nhanh chóng và khách quan.
- Dữ liệu được lưu trữ khoa học, thuận tiện cho việc tra cứu.
- Học sinh từng bước thích nghi với hình thức kiểm tra trực tuyến.

c) Điểm yếu

- Số lượng máy tính còn hạn chế so với nhu cầu thực tế.
- Một số thời điểm đường truyền Internet chưa ổn định.
- Một số học sinh còn hạn chế kỹ năng thao tác trên máy tính.

d) Kế hoạch cải tiến

- Từng bước nâng cấp phòng máy tính và thiết bị phục vụ kiểm tra trực tuyến.
- Mở rộng số môn học triển khai kiểm tra trên máy tính.
- Tăng cường tập huấn kỹ năng tổ chức kiểm tra trực tuyến cho giáo viên.
- Xây dựng phương án dự phòng đảm bảo an toàn hệ thống và dữ liệu.

e) Tự đánh giá

- Điểm tự đánh giá: 13/20
- Mức độ đạt: Mức độ 2

6. Tiêu chí 1.6: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường xác định phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình chuyển đổi số. 100% giáo viên đã được cấp tài khoản bồi dưỡng thường xuyên trực tuyến và tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo và nhà trường tổ chức.

Nhiều giáo viên sử dụng thành thạo các phần mềm và công cụ hỗ trợ dạy học như:

- PowerPoint;
- Word;
- Google tìm kiếm;
- SMAS;
- ChatGPT;
- OLM;

Giáo viên tích cực xây dựng bài giảng điện tử, video bài giảng, ngân hàng câu hỏi và học liệu số phục vụ hoạt động dạy học trên hệ thống LMS/LCMS của nhà trường.

Nhà trường đã ban hành các văn bản công nhận mức độ áp dụng phần mềm, công cụ và thiết bị công nghệ trong đổi mới phương pháp dạy học; đồng thời khuyến khích giáo viên tham gia các hoạt động chuyên môn gắn với chuyển đổi số.

Minh chứng:

+ Danh sách tài khoản bồi dưỡng giáo viên.

<https://docs.google.com/spreadsheets/d/1cLNqVVDBmQBY1vOVxBz6EFtJN4nXmMxMmP-/edit?usp=sharing&ouid=116802921016136117216&rtpof=true&sd=true>

+ Danh sách các học liệu số, bài giảng điện tử được xây dựng của giáo viên (kèm theo tên) và tỉ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử là 65,5%

<https://drive.google.com/file/d/1aXCWYIMdzfqeXAHGAmDXyBjAJfTRXQrx/view?usp=sharing>

+ Danh sách các học liệu số được sử dụng trên hệ thống OLM.

<https://docs.google.com/spreadsheets/d/1y8UFPJ2T5fiEs7Skd6Hkb8c2kL0UzzFn/edit?usp=sharing&ouid=116802921016136117216&rtpof=true&sd=true>

b) Điểm mạnh

- Đội ngũ giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học.
- Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin ngày càng được nâng cao.
- Nhiều giáo viên chủ động xây dựng học liệu số chất lượng.
- Tinh thần tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên tốt.

c) Điểm yếu

- Một số giáo viên còn hạn chế kỹ năng thiết kế video bài giảng.
- Việc ứng dụng AI trong dạy học chưa đồng đều giữa các tổ chuyên môn.
- Khả năng khai thác chuyên sâu LMS của một số giáo viên còn hạn chế.

d) Kế hoạch cải tiến

- Tổ chức chuyên đề về thiết kế học liệu số và video bài giảng.
- Tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng chuyển đổi số.
- Khuyến khích giáo viên tham gia các khóa học nâng cao kỹ năng số.
- Xây dựng đội ngũ giáo viên nòng cốt hỗ trợ chuyển đổi số trong nhà trường.

e) Tự đánh giá

- Điểm tự đánh giá: 18/20
- Mức độ đạt: Mức độ 3

7. Tiêu chí 1.7: Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường từng bước đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số trong dạy học và quản lý giáo dục.

Hiện nay các phòng học được trang bị tivi hoặc máy chiếu kết nối Internet phục vụ giảng dạy.

Hệ thống Wifi phủ sóng toàn trường đáp ứng nhu cầu truy cập mạng của giáo viên và học sinh.

Có phòng máy tính phục vụ dạy học môn Tin học và tổ chức kiểm tra trực tuyến.

Có các thiết bị hỗ trợ xây dựng học liệu số như máy tính, webcam, micro và phần mềm thiết kế bài giảng.

Nhà trường thực hiện quản lý thiết bị, hệ thống mạng thông qua sổ theo dõi, hồ sơ quản lý thiết bị và nhật ký sử dụng. Đồng thời triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng, bảo mật dữ liệu và duy trì hoạt động ổn định của hệ thống.

Nhà trường đã xây dựng sơ đồ mạng LAN, hệ thống Internet nội bộ; lưu trữ hồ sơ quản lý hạ tầng mạng, hóa đơn dịch vụ Internet và các tài liệu liên quan đến an toàn thông tin mạng.

Bên cạnh đó, nhà trường bước đầu triển khai khu vực hỗ trợ xây dựng học liệu số phục vụ giáo viên thiết kế bài giảng điện tử và các sản phẩm đa phương tiện phục vụ dạy học.

Minh chứng:

- Có kế hoạch kiểm tra, rà soát, đầu tư, duy trì, vận hành, quản lý hạ tầng CNTT cần bám sát nhu cầu sử dụng và đảm bảo hiệu quả.

<https://thyendinh.ninhbinh.edu.vn/156-ke-hoach-kiem-tra-ra-soat-dau-tu-duy-tri-van-hanh-quan-ly-ha-tang-cntt-nam-hoc-2025-2026.html>

- Ban hành nội quy, phân công trách nhiệm quản lý, giám sát và vận hành.

<https://thyendinh.ninhbinh.edu.vn/158-quyet-dinh-ve-viec-phan-cong-cb-gv-nv-tham-gia-kiem-tra-ra-soat-dau-tu-duy-tri-van-hanh-quan-ly-ha-tang-cnt-nam-hoc-2025-2026.html>

- Có danh mục thiết bị CNTT.

<https://drive.google.com/file/d/1Lpq3fMTGvzXdUIDXlhEI0ZJLUIsdVTWr/view?usp=sharing>

Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học

- Có bảng tổng hợp, thống kê số lượng phòng tin học và trang thiết bị của phòng học của đơn vị: Có kết nối internet, mạng LAN, số máy tính, trang thiết bị khác. Phòng thực hành môn tin học đảm bảo 2HS/máy.

https://drive.google.com/file/d/1NVN_oqsrWpZgUUIrqvZO934_Zr-fytlm/view?usp=sharing

- Có danh mục các thiết bị phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử).

<https://drive.google.com/file/d/1bqgMzT-VE0k1DIBjPvxgZwbENWR5msz/view?usp=sharing>

b) Điểm mạnh

- Hạ tầng CNTT cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy học và quản lý.
- Thiết bị được khai thác sử dụng tương đối hiệu quả.
- Hệ thống Wifi phủ sóng toàn trường.
- Giáo viên tích cực sử dụng thiết bị công nghệ trong giảng dạy.

c) Điểm yếu

- Một số thiết bị đã cũ, cấu hình thấp.
- Chưa có phòng studio chuyên biệt phục vụ sản xuất học liệu số.
- Kinh phí đầu tư, nâng cấp thiết bị còn hạn chế.

d) Kế hoạch cải tiến

- Tiếp tục xã hội hóa để đầu tư bổ sung thiết bị CNTT.
- Từng bước nâng cấp phòng máy tính và hệ thống mạng.
- Xây dựng phòng studio phục vụ xây dựng học liệu số.
- Tăng cường bảo trì, bảo dưỡng thiết bị định kỳ.

e) Tự đánh giá

- Điểm tự đánh giá: 17/20
- Mức độ đạt: Mức độ 3

Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học

Nhà trường đã tích cực triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong dạy học và bước đầu đạt được nhiều kết quả tích cực. Công tác xây dựng quy chế, triển

khai phần mềm dạy học trực tuyến, số hóa học liệu, tổ chức kiểm tra đánh giá trên môi trường số, phát triển nguồn nhân lực và đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin được thực hiện tương đối đồng bộ.

Đội ngũ giáo viên có tinh thần đổi mới, chủ động ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy; học sinh từng bước thích nghi với môi trường học tập số. Hạ tầng kỹ thuật và hệ thống phần mềm cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai chuyển đổi số trong nhà trường.

Tuy nhiên, nhà trường vẫn còn một số khó khăn như thiết bị CNTT chưa đồng bộ, một số giáo viên còn hạn chế kỹ năng xây dựng học liệu số chuyên sâu và nguồn kinh phí đầu tư còn hạn chế.

Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh đầu tư hạ tầng công nghệ, nâng cao năng lực số cho đội ngũ giáo viên, phát triển kho học liệu số và mở rộng ứng dụng công nghệ trong dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ngành giáo dục.

II. Nhóm Tiêu chí chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục

Nhà trường chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản trị nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, giảm hồ sơ giấy tờ, tăng tính công khai minh bạch và tăng cường kết nối giữa nhà trường với phụ huynh học sinh.

1. Tiêu chí 2.1: Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

Minh chứng:

- Có quyết định thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và công bố trên cổng thông tin của đơn vị.

<https://thyendinh.ninhbinh.edu.vn/148-quyet-dinh-ve-viec-kien-toan-to-phu-trach-cong-nghe-thong-tin-va-chuyen-doi-so.html>

b) Điểm mạnh

- Phân công rõ trách nhiệm cho từng thành viên
- Hoạt động chỉ đạo thường xuyên.

c) Điểm yếu

- Nhân sự phụ trách CNTT còn kiêm nhiệm.

d) Kế hoạch cải tiến

- Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ phụ trách CNTT.

2. Tiêu chí 2.2: Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT và chuyển đổi số hằng năm, công khai trên website và triển khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Kế hoạch xác định: Mục tiêu chuyển đổi số, chỉ tiêu thực hiện, giải pháp triển khai, kinh phí và thời gian thực hiện.

Minh chứng:

- Có Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số được xây dựng, công bố trên cổng thông tin điện tử của đơn vị từ đầu năm học

<https://thyendinh.ninhbinh.edu.vn/150-ke-hoach-trien-khai-ung-dung-cong-nghe-thong-tin-truyen-thong-va-chuyen-doi-so-nam-hoc-2025-2026.html>

b) Điểm mạnh

- Kế hoạch sát thực tế của nhà trường
- Có lộ trình triển khai cụ thể.

c) Điểm yếu

Một số nội dung cần cập nhật theo thực tiễn.

d) Kế hoạch cải tiến

- Thường xuyên rà soát, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với từng thời điểm

3. Tiêu chí 2.3: Triển khai phần mềm quản trị nhà trường

a) Mô tả hiện trạng

- Nhà trường triển khai phần mềm quản trị nhà trường với các phân hệ:

+ Quản lý học sinh.

+ Sổ điểm điện tử.

+ Học bạ điện tử.

+ Quản lý cán bộ giáo viên.

+ Quản lý tài sản.

+ Kế toán.

+ Y tế học đường.

- Dữ liệu được kết nối với cơ sở dữ liệu ngành của Sở GD, Bộ GD.

- Minh chứng:

- + Có Quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường

<https://thyendinh.ninhbinh.edu.vn/162-quyet-dinh-ve-viec-ban-hanh-quy-che-quan-ly-va-su-dung-he-thong-quan-tri-trong-nha-truong.html>

+ Đường link phần mềm: <https://vtsmas.vn/>

b) Điểm mạnh

- Hệ thống quản trị hoạt động hiệu quả.

- Dữ liệu cập nhật thường xuyên.

c) Điểm yếu

- Một số giáo viên chưa khai thác hết tính năng.

d) Kế hoạch cải tiến

- Tập huấn chuyên sâu các phân hệ quản trị.

e) Tự đánh giá

- Điểm tự đánh giá: 64/70

- Mức độ đạt: Mức độ 3

4. Tiêu chí 2.4: Triển khai dịch vụ trực tuyến

a) Mô tả hiện trạng

- Nhà trường triển khai:

+ Ứng dụng kết nối gia đình và nhà trường qua Zalo, Facebook, OLM liên lạc điện tử, cổng thông tin điện tử của nhà trường.

+ Tuyển sinh trực tuyến.

+ Thu học phí không dùng tiền mặt.

+ Tỷ lệ phụ huynh sử dụng các ứng dụng đạt mức cao.

Minh chứng:

- Đường link truy cập phần mềm, ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường quản lý, hình ảnh chụp màn hình chức năng liên lạc điện tử trên OLM.

https://drive.google.com/file/d/1UWVHO_DWUdSCSMOGseLGVkQkAoux1biH/view?usp=sharing

- Link hệ thống tuyển sinh trực tuyến trên hệ thống tuyển sinh của OLM.

<https://olm.vn/tsdc/14100>

- Link phần mềm thu phí dịch vụ không dùng tiền mặt DTSoft:
<https://qltc.dtsoft.vn/>

- Tổng hợp số tiền thu phí dịch vụ không dùng tiền mặt (tỷ lệ thu).

<https://drive.google.com/file/d/10eKXzIEiuutmPRQW-DLXu6dlg7707jC4/view?usp=sharing>

b) Điểm mạnh

- Phụ huynh phối hợp tốt.

- Tăng tính công khai, minh bạch.

c) Điểm yếu

- Một số phụ huynh lớn tuổi còn hạn chế kỹ năng sử dụng ứng dụng.

d) Kế hoạch cải tiến

- Tăng cường hướng dẫn phụ huynh sử dụng dịch vụ trực tuyến.

e) Tự đánh giá

